

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG

Số: 03/2022/TV6/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- * Tên công ty: Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng
- * Mã chứng khoán: TV6
- * Trụ sở chính: Số 32, Đường số B4, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- * Điện thoại: 0936337585
- * Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hùng Cường (Giám đốc- người đại diện theo pháp luật)
- * Loại thông tin công bố:
 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

* Nội dung công bố thông tin:

Công bố thông tin bổ sung báo cáo tài chính năm 2021 có kiểm toán

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng tại đường dẫn:

<http://thinhvuongvn.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu VP.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

**BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1796 /UBCK-GSĐC
V/v tạm hoãn công bố Báo cáo tài chính
kiểm toán năm 2021 của TV6

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng

Về đề nghị tạm hoãn công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2021 nêu tại Công văn số 01/2022/TV6/CV ngày 29/3/2022 của CTCP Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng (Công ty/TV6), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) có ý kiến như sau:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán: “Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin”.

UBCKNN đề nghị Công ty thực hiện công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin BCTC kiểm toán năm 2021 vì lý do bất khả kháng và công bố đầy đủ thông tin ngay sau khi khắc phục theo quy định nêu trên (chậm nhất là ngày 15/4/2022 theo đề nghị của Công ty). Trường hợp Công ty không thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ công bố thông tin, UBCKNN sẽ xem xét xử lý theo quy định hiện hành./. β

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch (để báo cáo);
- HNX;
- Lưu: VT, GSĐC (05b). β

**TL. CHỦ TỊCH
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁM SÁT CÔNG TY ĐẠI CHỨNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Lê Thị Thu Hằng



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

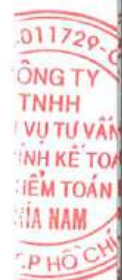


Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5943 - 3820 5944; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lắp Điện Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lắp Điện Thịnh Vượng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600446389 đăng ký lần đầu ngày 12/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 30.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 : 30.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 32, đường số B4, phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng. Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn thực phẩm. Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ các yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Cổng thông tin. Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Xuất bản phần mềm, lập trình máy tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất được sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quốc tế Tân Phú Hưng	Số 10 phố Lê Trực, phường Điện Biên, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	100,0%	0,0%	100,0%	0,0%
Công ty liên kết:					
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	Số 85 Lê Quý Đôn, phường Thống Nhất, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định	0,0%	48,0%	0,0%	48,0%

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Không có

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021 là 364.022.458 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2020 lợi nhuận sau thuế là 1.679.198.665 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2021 là 2.227.416.484 VND (Tại thời điểm 31/12/2020 lợi nhuận chưa phân phối là 3.179.650.935 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	SONG TAO	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 10/11/2021)
Bà	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 10/11/2021)
Ông	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 10/11/2021)
Bà	LÊ QUỲNH NGÂN	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 10/11/2021)
Ông	TRẦN ĐÌNH THẮNG	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 10/11/2021)
Bà	HOÀNG THU ANH	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 10/11/2021)
Ông	VŨ NGỌC HOÀNG	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 10/11/2021)
Bà	HOÀNG THỊ HỒNG	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 10/11/2021)

Ban Giám đốc

Ông	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/09/2021)
Ông	TRẦN ĐÌNH THẮNG	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 28/09/2021)
Bà	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 28/09/2021)

Ban Kiểm soát

Ông	ZHENG YONG JIE	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 10/11/2021)
Bà	BÙI THÙY GIANG	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 10/11/2021)
Bà	PHẠM THỊ THU HÀ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 10/11/2021)
Ông	PHẠM XUÂN HÒA	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 10/11/2021)
Bà	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 10/11/2021)
Bà	TRẦN THỊ THANH NGUYỆT	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 09/07/2021)
Bà	TRẦN THỊ THANH LOAN	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 10/11/2021)
Bà	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 10/11/2021)

Kế toán trưởng

Bà	ĐẶNG THỊ NHƯ KHÁNH		(Bổ nhiệm ngày 28/09/2021)
Bà	PHÙNG THỊ TƠ		(Miễn nhiệm ngày 28/09/2021)

Đại diện pháp luật

Ông	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/09/2021)
Ông	TRẦN ĐÌNH THẮNG	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 28/09/2021)

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.


Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lắp Điện Thịnh Vượng phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2022

TM. Hội đồng Quản trị


SONG TAO
Chủ tịch HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2022

TM. Ban Giám đốc



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG
Giám đốc

11728
CÔNG TY
TNHH
VU TU
NH KẾ
KIỂM TO
HIA NAM
T.P HỒ

Số: 273... /BCKT-TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lắp Điện Thịnh Vượng, được lập ngày 08/03/2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lắp Điện Thịnh Vượng tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2022

Kiểm toán viên

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Tổng Giám đốc****PHÙNG VĂN THẮNG**

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 0650-2018-142-1

**PHÙNG NGỌC TOÀN**

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 0335-2018-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City

Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942

Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165.300.034.758	36.029.608.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.438.718.307	5.077.054.741
Tiền	111	V.1	8.438.718.307	5.077.054.741
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121	V.3	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.3	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.825.143.440	28.723.892.163
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	133.288.956.120	27.271.596.184
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.000.000	1.252.273.067
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	21.990.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.542.187.320	200.022.912
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	1.890.000	2.193.981.271
Hàng tồn kho	141		1.890.000	2.193.981.271
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.283.011	34.680.522
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3.180.306	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	7.178.147	7.664.990
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	23.924.558	27.015.532
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	5.853.195.406
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	1.052.727.225
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	-	1.052.727.225
- Nguyên giá	222		-	1.760.123.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(707.396.411)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	4.800.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	V.3	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.3	-	4.800.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.3	-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.3	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.3	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	468.181
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	-	468.181
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		165.300.034.758	41.882.804.103

011728
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ V
KẾ T
KIỂM TO
HÀ NAM
P. PHỐ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		133.072.618.274	8.703.153.168
I. Nợ ngắn hạn	310		133.072.618.274	8.318.153.168
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	108.573.145.904	2.908.151.184
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	77.033.781	290.001.984
Phải trả người lao động	314		49.305.413	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	24.373.133.176	5.120.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	385.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331	V.10	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9	-	385.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.227.416.484	33.179.650.935
I. Vốn chủ sở hữu	410		32.227.416.484	33.179.650.935
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.12	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.12	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	V.12	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.12	-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.12	-	-
Cổ phiếu quỹ	415	V.12	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.12	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.12	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.12	-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.12	-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.12	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.12	2.227.416.484	3.179.650.935
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.863.394.026	1.500.452.270
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		364.022.458	1.679.198.665
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		165.300.034.758	41.882.804.103

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



HOÀNG THỊ TÂM

ĐẶNG THỊ NHƯ KHÁNH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	37.232.652.779	85.877.293.449
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	5.387.522
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		37.232.652.779	85.871.905.927
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	36.947.670.257	84.180.350.965
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		284.982.522	1.691.554.962
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.813.551.262	2.076.420.554
Chi phí tài chính	22	VI.5	1.494.290.769	520.742.905
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		250.311.492	520.742.905
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.8	684.228.534	1.237.728.019
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	874.584.907	748.927.705
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		45.429.574	1.260.576.887
Thu nhập khác	31	VI.6	410.119.961	789.305.533
Chi phí khác	32	VI.7	14.173.769	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		395.946.192	789.305.533
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		441.375.766	2.049.882.420
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	77.353.308	370.683.755
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		364.022.458	1.679.198.665
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		364.022.458	1.679.198.665
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	121	560
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	121	560



Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tâm

Như Khánh



HOÀNG THỊ TÂM

ĐẶNG THỊ NHƯ KHÁNH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		441.375.766	2.049.882.420
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		122.147.978	199.570.814
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.062.454.779)	(2.076.420.554)
- Chi phí lãi vay	06		250.311.492	520.742.905
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.248.619.543)	693.775.585
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		62.122.759.506	7.039.103.130
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		2.192.091.271	2.928.293.114
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(61.852.429.469)	(1.683.127.137)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.176.361	49.486.175
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(250.311.492)	(520.742.905)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(291.508.145)	(194.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		673.158.489	8.312.787.962
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(411.345.454)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		945.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.090.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		100.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.800.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.924.995	176.420.554
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.187.075.005)	(234.924.900)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		34.373.133.176	27.240.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.505.000.000)	(30.510.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

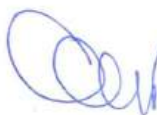
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.868.133.176	(3.270.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		3.354.216.660	4.807.863.062
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.084.501.647	269.191.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	8.438.718.307	5.077.054.741

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hùng Cường



HOÀNG THỊ TÂM

ĐẶNG THỊ NHƯ KHÁNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lắp Điện Thịnh Vượng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600446389 đăng ký lần đầu ngày 12/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh : 30.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 : 30.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 32, đường số B4, phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng. Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn thực phẩm. Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ các yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Cổng thông tin. Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Xuất bản phần mềm, lập trình máy tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất được sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quốc tế Tân Phú Hưng	Số 10 phố Lê Trực, phường Điện Biên, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	100,0%	0,0%	100,0%	0,0%
Công ty liên kết:					
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	Số 85 Lê Quý Đôn, phường Thống Nhất, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định	0,0%	48,0%	0,0%	48,0%

Cơ sở đồng kiểm soát

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

011729
CÔNG TY
TNHH
DỊCH VỤ VÀ
THƯƠNG MẠI
QUỐC TẾ
TÂN PHÚ HƯNG
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
T.P. HỒ

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn

06 - 08 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.



Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...



Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

17. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

18. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;



- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:
 - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	8.055.610.297	682.120.073
- Tiền gửi ngân hàng	383.108.010	4.394.934.668
Cộng	<u><u>8.438.718.307</u></u>	<u><u>5.077.054.741</u></u>

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Anh Kiệt	-	1.851.923.637
Công ty CP Hoa Đạm	-	7.762.129.140
Trần Thị Hương	-	11.700.000.000
Công ty Sanovo	133.288.956.120	-
Đối tượng khác	-	5.957.543.407
Cộng	<u><u>133.288.956.120</u></u>	<u><u>27.271.596.184</u></u>



4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Trong	21.990.000.000	-	-	-
Cộng	21.990.000.000	-	-	-

Ghi chú:

(*) Theo các hợp đồng cho vay số 05/2021/HĐV ngày 02/12/2021, số 06/2021/HĐV ngày 10/12/2021, số 07/2021/HĐV ngày 16/12/2021, lãi suất 7%/năm, không có tài sản đảm bảo.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1 Ngắn hạn				
- Tạm ứng	-	-	-	-
- Phải thu về BHXH	-	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	160.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	1.382.187.320	-	22.912	-
Cộng	1.542.187.320	-	200.022.912	-

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	1.890.000	-	-	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
- Hàng hóa	-	-	2.193.981.271	-
Cộng	1.890.000	-	2.193.981.271	-



7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	1.760.123.636	-	-	1.760.123.636
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	1.760.123.636	-	-	1.760.123.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.760.123.636	-	-	1.760.123.636
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	707.396.411	-	-	707.396.411
Số tăng trong năm	-	-	122.147.978	-	-	122.147.978
- Khấu hao trong năm	-	-	122.147.978	-	-	122.147.978
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	829.544.389	-	-	829.544.389
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	829.544.389	-	-	829.544.389
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	1.052.727.225	-	-	1.052.727.225
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý;

- VND
- VND
- VND



8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

8.1. Ngắn hạn

- Chi phí sửa chữa
- Chi phí mua bảo hiểm
- CCDC xuất dùng
- Chi phí khác

Cộng

8.2. Dài hạn

- CCDC xuất dùng
- Lợi thế kinh doanh
- Chi phí mua bảo hiểm
- Chi phí khác

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	-	-
	-	-
	3.180.306	-
	-	-
	<u>3.180.306</u>	<u>-</u>
	-	468.181
	-	-
	-	-
	-	-
	<u>-</u>	<u>468.181</u>

1172
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ
NH KẾ
HỆM TỐ
HÀ NẠP
TP. HỒ

9 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

9.1. Ngắn hạn

a. Vay và nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay Ngân hàng:						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Định	-	-	5.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - CN Nam Định	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
- Vay cá nhân:						
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Bà Trần Thị Huyền Diệu	23.288.539.000	23.288.539.000			-	-
Bà Lê Thị Diễm Hằng	1.084.594.176	1.084.594.176			-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Nam Định	-	-	-	120.000.000	120.000.000	120.000.000
Cộng	24.373.133.176	24.373.133.176	34.373.133.176	15.120.000.000	5.120.000.000	5.120.000.000

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
HĐ vay tiền số 13/2021/HĐV ngày 01/10/2021 (*)	Bà Trần Thị Huyền Diệu	12 tháng	0%	23.288.539.000	Không có tài sản đảm bảo
HĐ vay tiền ngày 20/09/2021 (*)	Bà Lê Thị Diễm Hằng	12 tháng	0%	1.084.594.176	Không có tài sản đảm bảo
Cộng				24.373.133.176	

Ghi chú: (*) Trường hợp khi đáo hạn Công ty không trả đúng hạn thì chịu lãi suất tính theo nợ quá hạn là 0,83%/tháng.



9.2. Dài hạn

a. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay Ngân hàng:						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Nam Định	-	-	-	385.000.000	385.000.000	385.000.000
Cộng	-	-	-	385.000.000	385.000.000	385.000.000



10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Đoàn Hưng	-	-	883.225.351	883.225.351
Công ty CP đầu tư Tân An	-	-	979.617.008	979.617.008
Công ty ShingLung (Hongkong)	108.573.145.904	108.573.145.904	-	-
Các nhà cung cấp khác	-	-	1.045.308.825	1.045.308.825
Cộng	108.573.145.904	108.573.145.904	2.908.151.184	2.908.151.184

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
11.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.009.091	3.009.091	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	290.001.984	77.353.308	291.508.145	75.847.147
Thuế thu nhập cá nhân	-	18.327.634	17.141.000	1.186.634
Thuế khác	-	14.831.240	14.831.240	-
Cộng	290.001.984	113.521.273	326.489.476	77.033.781
11.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	27.015.532	317.523.534	314.432.560	23.924.558
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế khác	-	-	-	-
Cộng	27.015.532	317.523.534	314.432.560	23.924.558

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

. VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	-	-	-	1.500.452.270	-	31.500.452.270
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.679.198.665	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	-	-	-	3.179.650.935	-	33.179.650.935
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	364.022.458	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	-	-	-	(1.316.256.909)	-	(1.316.256.909)
					2.227.416.484	-	32.227.416.484

12.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ	0,00%	-	0,00%	-
Vốn góp của các đối tượng khác	100,00%	30.000.000.000	100,00%	30.000.000.000
Cộng		30.000.000.000		30.000.000.000

12.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

12.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

12.5. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

12.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

13. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	1.245,92	-
- EUR	-	-



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	37.227.769.479	77.978.693.463
- Doanh thu xây lắp	-	7.898.599.986
- Doanh thu khác	4.883.300	-
Cộng	37.232.652.779	85.877.293.449

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	5.387.522
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	5.387.522

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	36.947.670.257	77.169.701.474
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	7.010.649.491
Cộng	36.947.670.257	84.180.350.965

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.048.034.026	433.565
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	743.079.881	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	22.437.355	2.075.986.989
Cộng	2.813.551.262	2.076.420.554

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	250.311.492	520.742.905
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	163.969.172	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	840.604.038	-
- Chi phí tài chính khác	239.406.067	-
Cộng	1.494.290.769	520.742.905

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	14.420.753	-
- Chiết khấu	395.699.208	789.305.533
- Các khoản khác	-	-
Cộng	410.119.961	789.305.533

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý TSCĐ ,CCDC	-	-
- Các khoản tiền nộp phạt	9.965.968	-
- Thuế GTGT không được hoàn	-	-
- Các khoản khác	4.207.801	-
Cộng	14.173.769	-

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí nhân công	509.320.769	972.772.400
- Chi phí khấu hao	65.263.983	-
- Thuế, phí, lệ phí	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.643.782	-
- Chi phí khác bằng tiền	-	264.955.619
Cộng	684.228.534	1.237.728.019

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nguyên, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	10.176.361	-
- Chi phí nhân công	489.688.207	340.056.480
- Chi phí khấu hao	56.883.995	120.460.224
- Thuế, phí, lệ phí	22.100.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	277.346.446	-
- Chi phí khác bằng tiền	18.389.898	288.411.001
Cộng	874.584.907	748.927.705

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	2.895.632.482
- Chi phí công cụ, dụng cụ	10.176.361	-
- Chi phí nhân công	999.008.976	5.485.484.064
- Chi phí khấu hao TSCĐ	122.147.978	199.570.814
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	386.990.228	-
- Chi phí bằng tiền khác	40.489.898	413.617.855
Cộng	1.558.813.441	8.994.305.215

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	77.353.308	370.683.755
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	77.353.308	370.683.755

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	364.022.458	1.679.198.665
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	364.022.458	1.679.198.665
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	121	560

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	364.022.458	1.679.198.665
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	121	560

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
- Các giao dịch phi tiền tệ khác	-	-

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng
Không có.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	34.373.133.176
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	15.505.000.000
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-



VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
+ Chi phí tiền lương	91.584.025	163.582.200
+ Thù lao	135.000.000	150.000.000

Trong đó:

Năm 2020:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
1.	PHẠM XUÂN HÒA	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	56.253.200	30.000.000
2.	HOÀNG THỊ HỒNG	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	55.306.200	20.000.000
3.	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Thành viên HĐQT	-	20.000.000
4.	TRẦN THỊ THANH NGUYỆT	Thành viên HĐQT	-	20.000.000
5.	TRẦN THỊ THANH LOAN	Thành viên HĐQT	-	20.000.000
6.	Bùi Thùy Giang	Thành viên BKS	-	20.000.000
7.	Nguyễn Thị Duyên	Thành viên BKS	52.022.800	10.000.000
8.	Trần Thị Thanh Nguyệt	Thành viên BKS	-	10.000.000
TỔNG CỘNG			163.582.200	150.000.000

Năm 2021:

1.	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Chủ tịch HĐQT	40.011.800	18.000.000
2.	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	10.613.425	-
3.	TRẦN ĐÌNH THẮNG	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	40.958.800	27.000.000
4.	HOÀNG THU ANH	Thành viên HĐQT	-	18.000.000
5.	VŨ NGỌC HOÀNG	Thành viên HĐQT	-	18.000.000
6.	HOÀNG THỊ HỒNG	Thành viên HĐQT	-	18.000.000
7.	BÙI THÙY GIANG	Trưởng ban kiểm soát	-	18.000.000
8.	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Thành viên BKS	-	9.000.000
9.	TRẦN THỊ THANH NGUYỆT	Thành viên BKS	-	3.000.000
10.	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	Thành viên BKS	-	6.000.000
TỔNG CỘNG			91.584.025	135.000.000

Các giao dịch khác

	Năm nay	Năm trước
Cho vay/ mượn tiền	14.000.000.000	-
Lãi cho vay	828.000.000	-
Giao dịch mua bán	-	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi cho vay	828.000.000	-
Phải trả	-	-

1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Trong Thương	Cùng HĐQT và Ban Giám đốc	
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	Công ty liên kết	48,00%

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Trong Thương	Cho vay	22.090.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	Thoái vốn	4.800.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Trong Thương	Nợ phải thu	21.990.000.000
	Nợ phải trả	-

2 . Báo cáo bộ phận

Trong năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh văn phòng phẩm. Hiện tại Công ty đang trong giai đoạn tái cấu trúc doanh nghiệp, chuyển hướng qua hoạt động đầu tư do đó Công ty chưa áp dụng Báo cáo bộ phận.

3 . Thông tin về hoạt động liên tục

Hiện tại Công ty đang trong giai đoạn tái cấu trúc doanh nghiệp, dừng hoạt động kinh doanh chính trước đây là văn phòng phẩm từ tháng 07/2021, chuyển hướng qua hoạt động đầu tư.

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4 . Số liệu so sánh

Đây là năm đầu tiên phát sinh việc lập BCTC hợp nhất. Do đó, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán.

Người lập biểu

HOÀNG THỊ TÂM

Kế toán trưởng

ĐẶNG THỊ NHƯ KHÁNH

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG